

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16-3-2026
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hữu Thắng.

2. Ông Dư Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Thành Công - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/3/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2026/TLST-HNGĐ ngày 13/01/2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/01/2026 giữa các đương sự:

– *Nguyên đơn:* Ông Trần Hoàng K, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Số E, đường P, phường S, thành phố Cần Thơ.

– *Bị đơn:* Bà Dương Bích T, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Số A, đường X, phường S, thành phố Cần Thơ.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam C, Ấp F, xã K, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Hoàng K trình bày: Ông Trần Hoàng K và bà Dương Bích T qua quá trình tìm hiểu, có tình cảm với nhau tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77 vào ngày 08 tháng 7 năm 2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 bà T bỏ nhà đi, để lại 03 con nhỏ cho ông K nuôi dưỡng. Năm 2023 bà T bị kết án về tội mua bán trái phép chất ma túy và hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam C, vợ chồng đã không còn liên lạc từ năm 2014 đến nay, không còn tình cảm đối với nhau nên ông K yêu cầu Toà án giải quyết cho ông K được ly hôn. Về con chung: Thời gian sống chung, ông K và bà T có ba người con chung là: Trần Dương Khánh N, sinh ngày 21/5/2010, Trần Khánh H, sinh ngày 04/10/2011 và Trần Dương Bích N1, sinh ngày 10/12/2012, hiện ông K đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Nay ông K yêu cầu Toà án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà T. Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng ba người con chung

đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– *Tại Tờ tự khai ngày 16/01/2026, bị đơn bà Dương Bích T trình bày:* Bà T thống nhất với lời trình bày của ông K về thời điểm bà T và ông K xác lập quan hệ hôn nhân, thười gian chung sống vợ chồng có ba người con chung hiện ông K đang nuôi dưỡng. Nay ông K yêu cầu ly hôn thì bà T cũng đồng ý. Về con chung, bà T đồng ý giao con chung là: Trần Dương Khánh N, sinh ngày 21/5/2010, Trần Khánh H, sinh ngày 04/10/2011 và Trần Dương Bích N1, sinh ngày 10/12/2012 cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Bà T không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Toà án giải quyết đúng như ông K trình bày.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật nhưng sự chấp hành pháp luật của bị đơn là chưa đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử cho bị đơn bà Dương Bích T nhưng bà T vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hoàng K, nhận thấy: Ông Trần Hoàng K và bà Dương Bích T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77 vào ngày 08 tháng 7 năm 2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bà T bỏ nhà đi từ năm 2014, để lại 03 con nhỏ cho ông K nuôi dưỡng. Sau đó bà T vi phạm pháp luật và bị kết án, hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam C, tỉnh Cà Mau. Ông K và bà T đã không còn chung sống từ năm 2014 đến nay. Hiện ông K nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng đối với bà T nên có nguyện vọng ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã động viên ông K suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T, nhưng ông K vẫn cương quyết xin được ly hôn. Tại Tờ tự khai gửi cho Tòa án ngày 16/01/2026, bà T trình bày cũng đồng ý ly hôn với ông K, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông K được ly hôn với bà T.

[3] Về con chung: Thời gian sống chung, ông K và bà T có ba người con chung là: Trần Dương Khánh N, sinh ngày 21/5/2010, Trần Khánh H, sinh ngày 04/10/2011 và Trần Dương Bích N1, sinh ngày 10/12/2012. Ông K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng ba người con chung đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, ba con chung hiện đang chung sống với ông K. Để đảm bảo cho môi trường sống của các cháu không bị xáo trộn, để các cháu phát triển toàn diện về mọi mặt và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Trần Dương Khánh N, Trần Khánh H và cháu Trần Dương Bích N1 là muốn chung sống với ông K, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông K, giao ba con chung là: Trần Dương Khánh N, sinh ngày 21/5/2010, Trần Khánh H, sinh ngày 04/10/2011 và Trần Dương Bích N1, sinh ngày 10/12/2012 cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông K hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con, nên việc ông K không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Ông K và bà T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông K và bà T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Ông K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hoàng K.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hoàng K được ly hôn với bà Dương Bích T.

- Về con chung: Giao ba người con chung là: Trần Dương Khánh N, sinh ngày 21/5/2010, Trần Khánh H, sinh ngày 04/10/2011 và Trần Dương Bích N1, sinh ngày 10/12/2012 cho ông Trần Hoàng K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi Trần Dương Khánh N, Trần Khánh H và Trần Dương Bích N1 đủ 18 tuổi. Bà Dương Bích T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là Trần Dương Khánh N, Trần Khánh H và Trần Dương Bích Ngọc

Bà Dương Bích T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Ông Trần Hoàng K và bà Dương Bích T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Ông Trần Hoàng K và bà Dương Bích T thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Hoàng K phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013390, ngày 30/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Như vậy, ông Trần Hoàng K đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Bà Dương Bích T không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KV5- Cần Thơ;
- UBND phường Sóc Trăng, TP Cần Thơ.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Chiêm Ngọc Linh